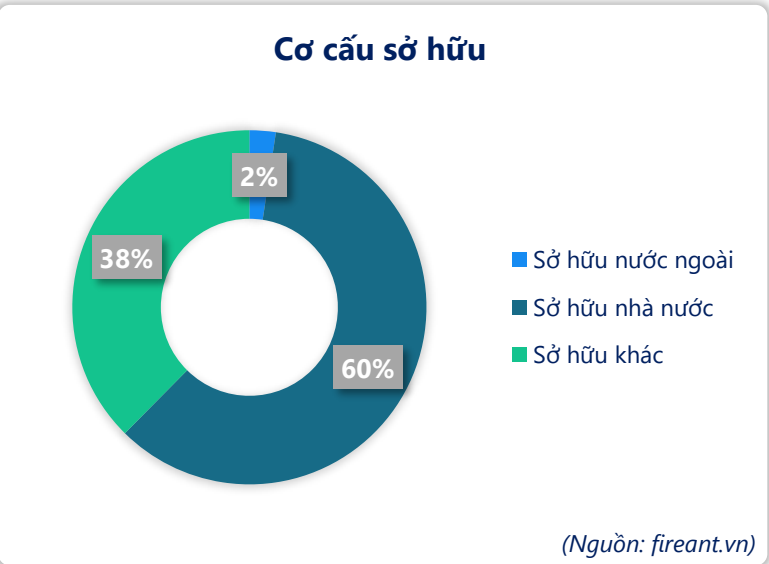
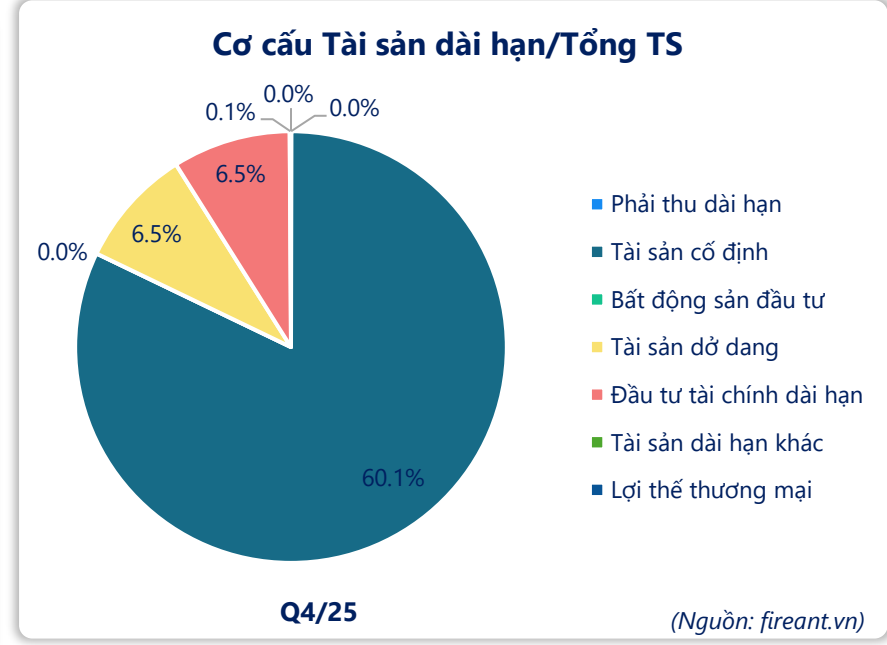
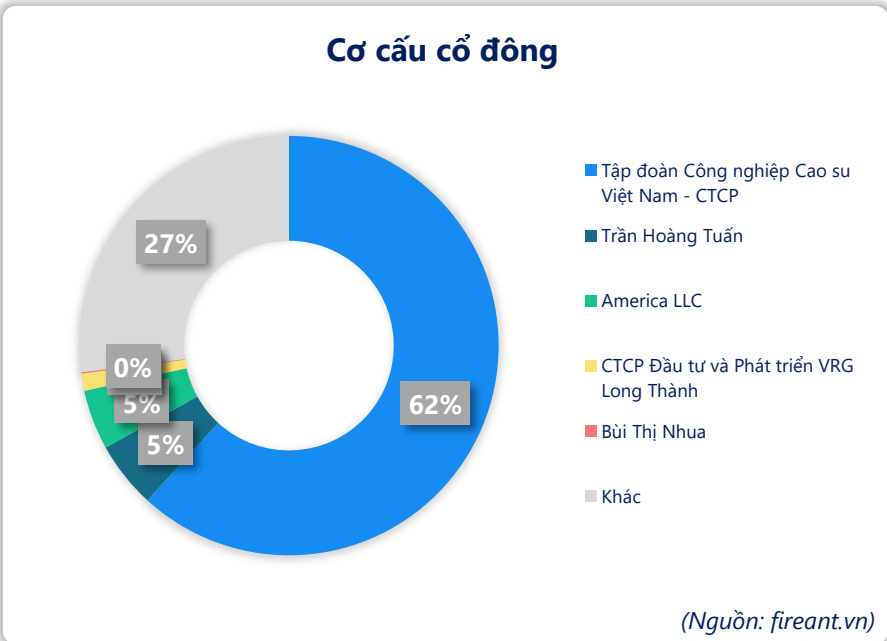
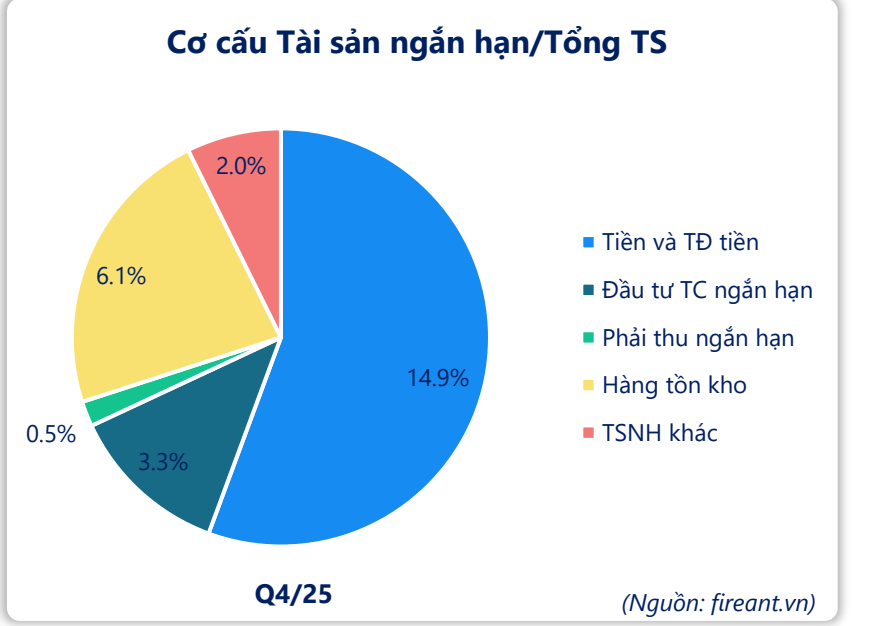
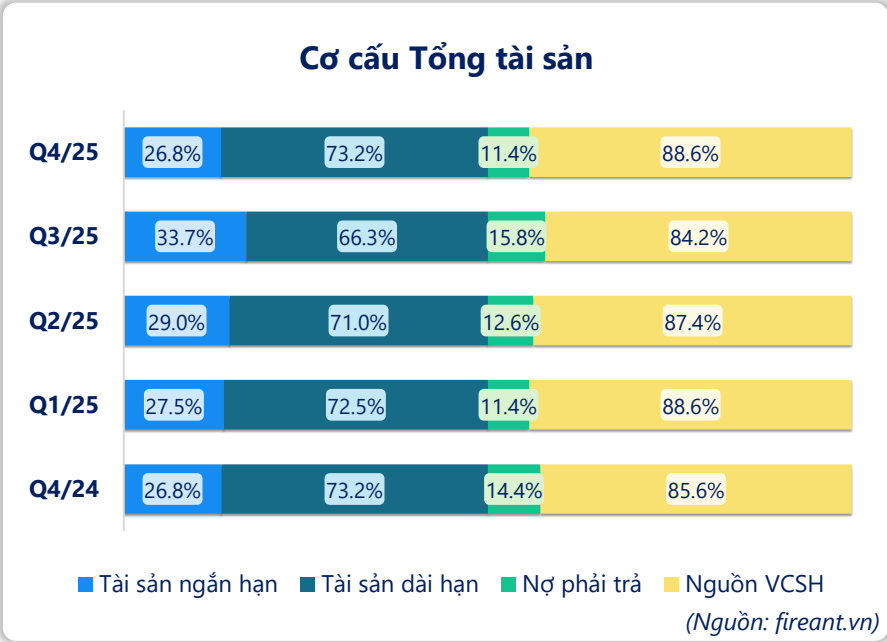


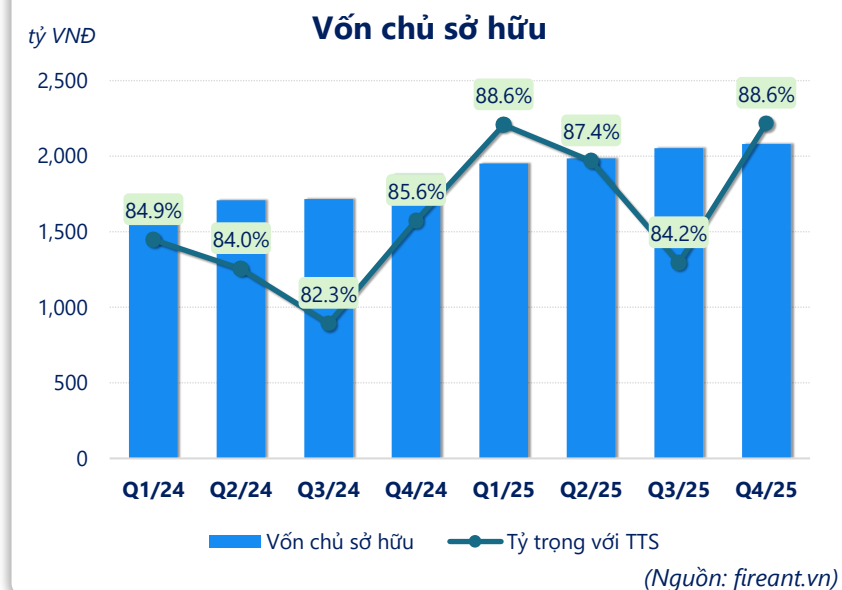
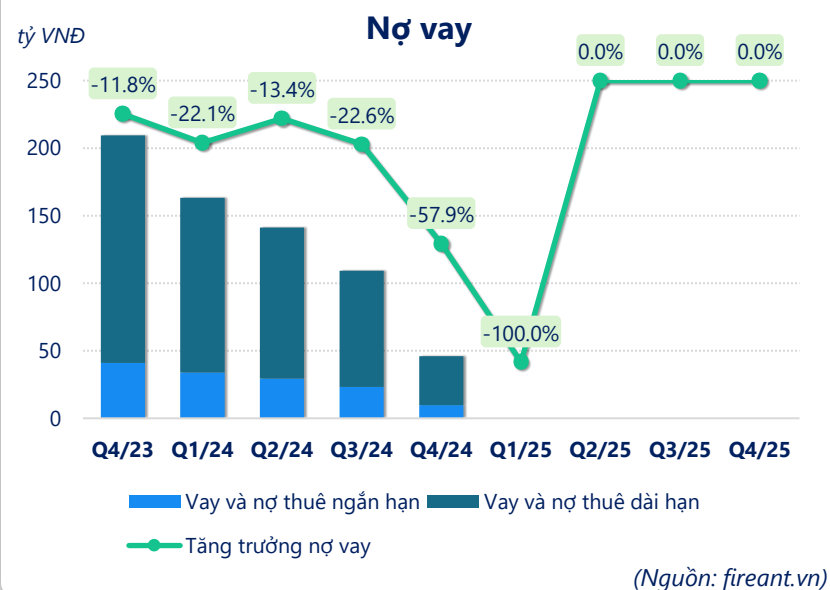
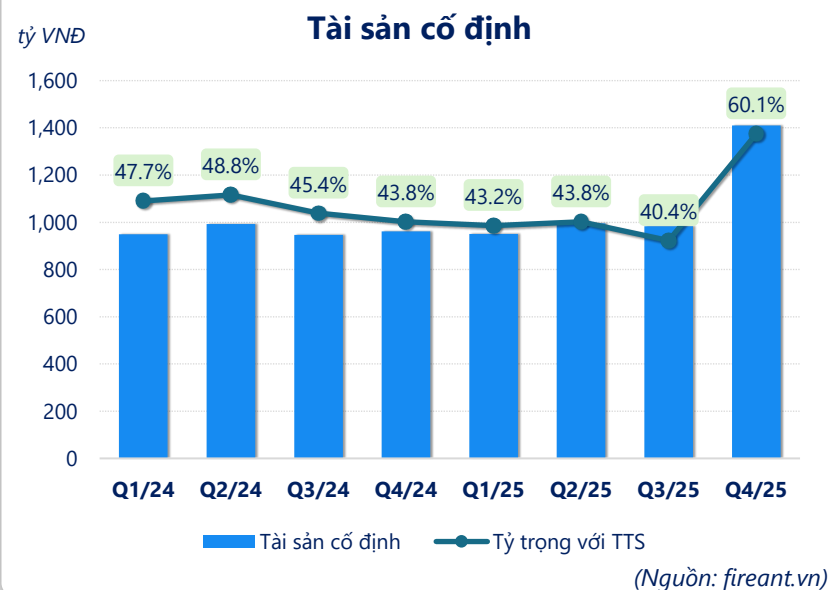
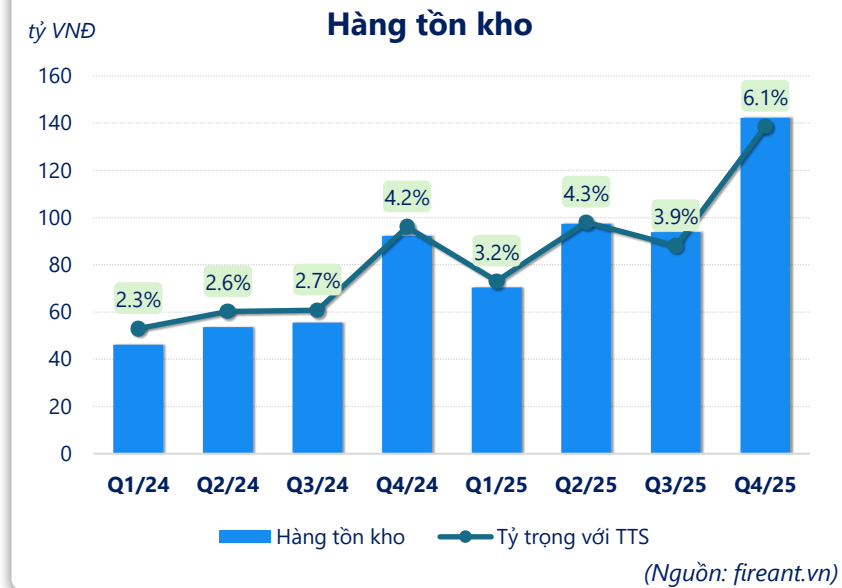
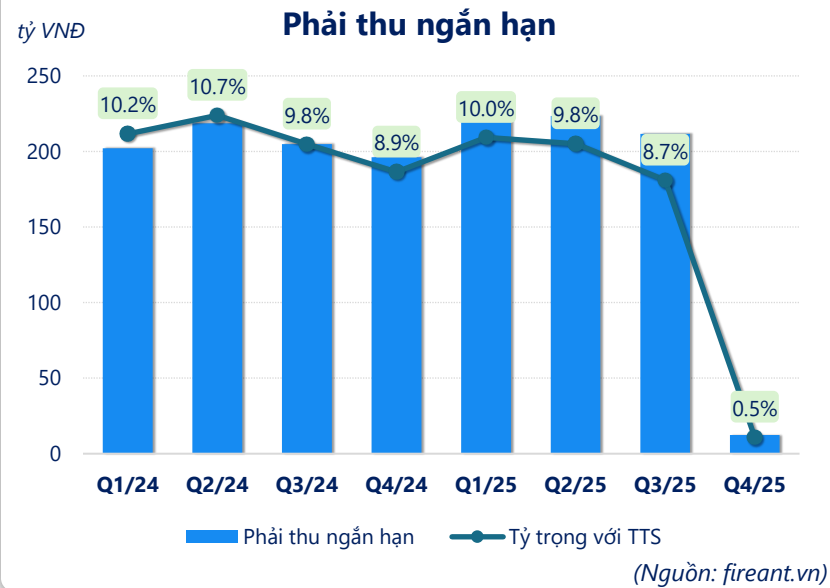
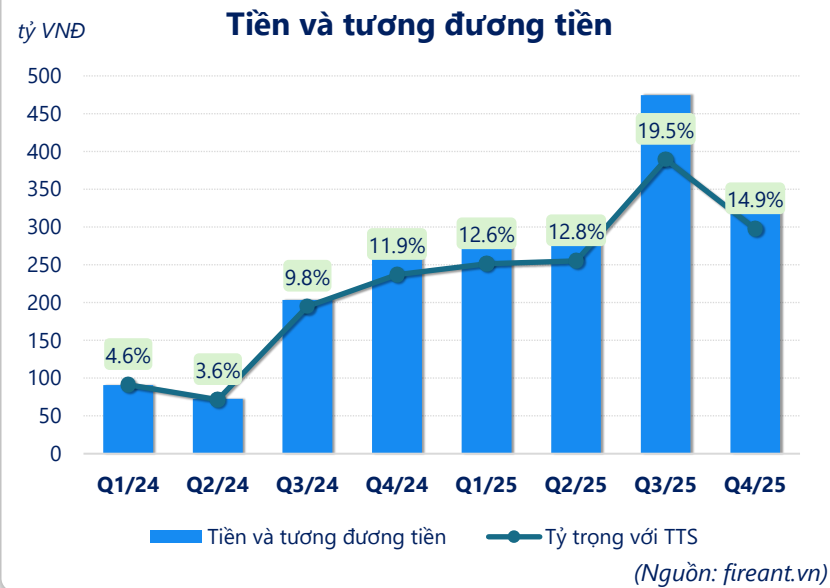
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		77,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		84,196
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		49,612
SL cổ phiếu LH		30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		70,425
% sở hữu nước ngoài		2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,310
P/E		8.9
EPS		8,669

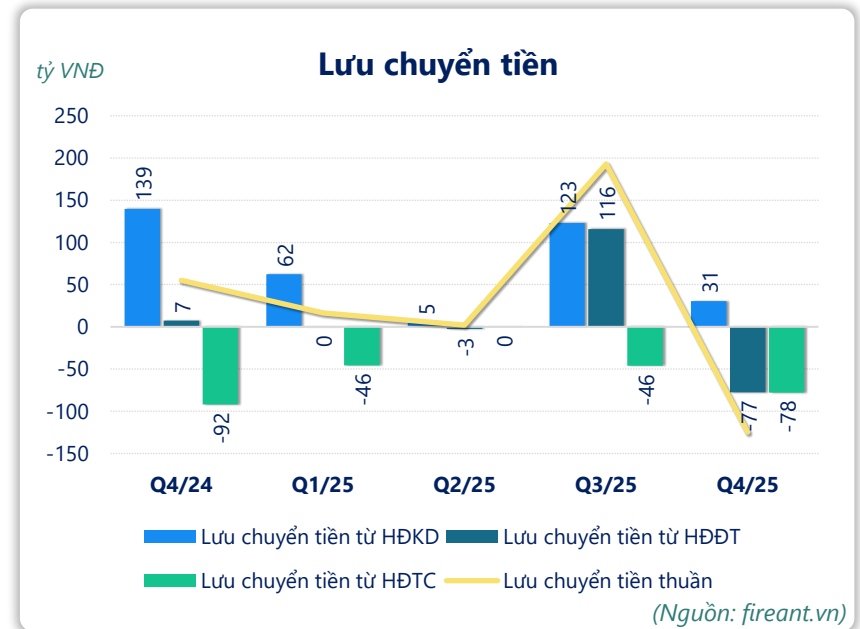
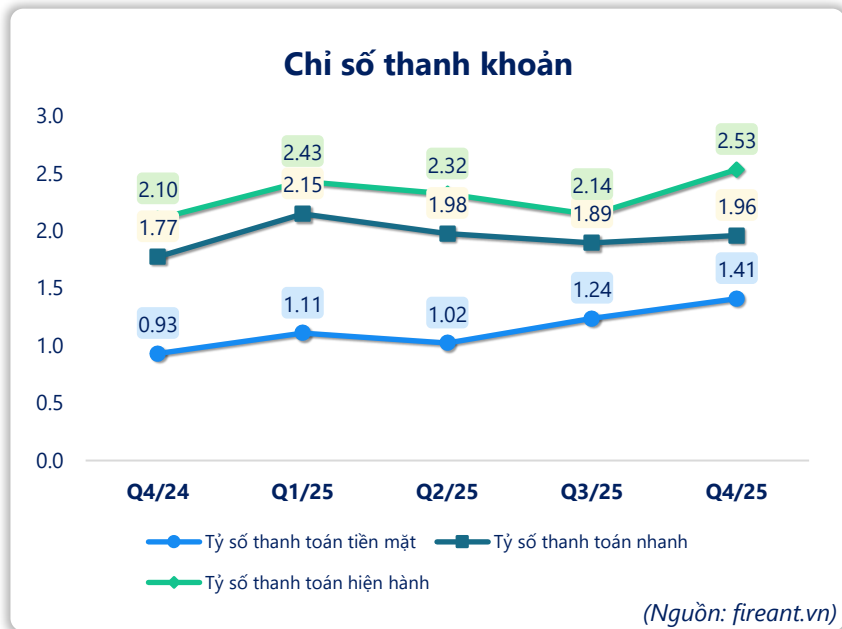
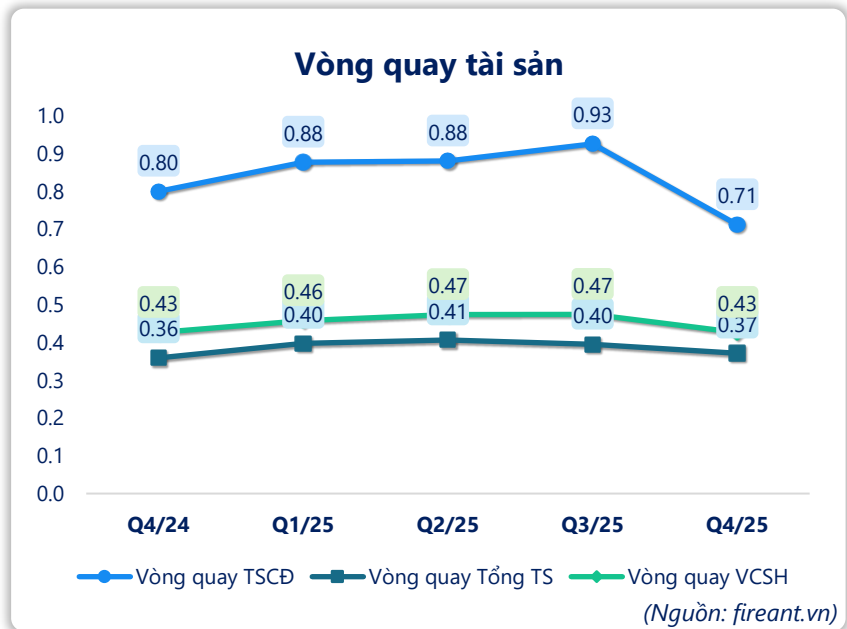
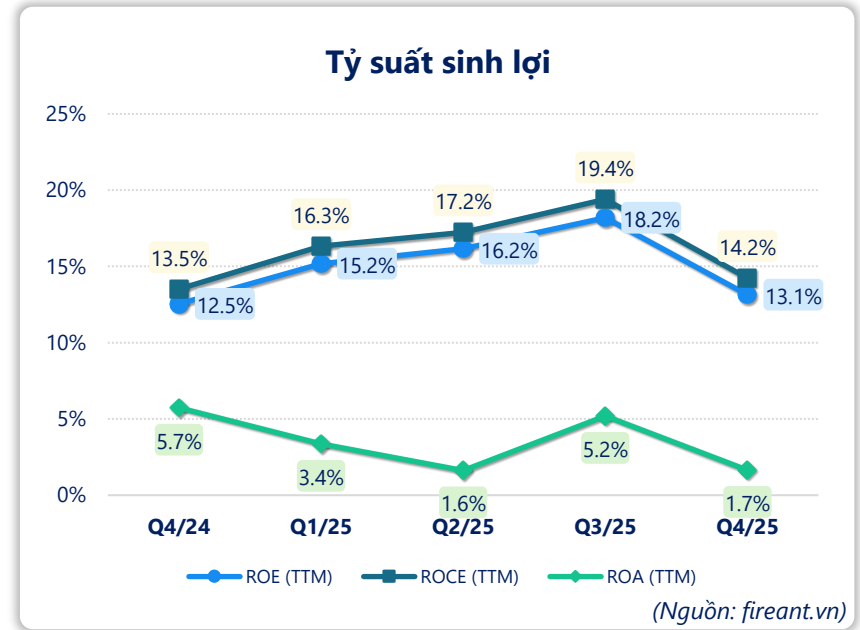
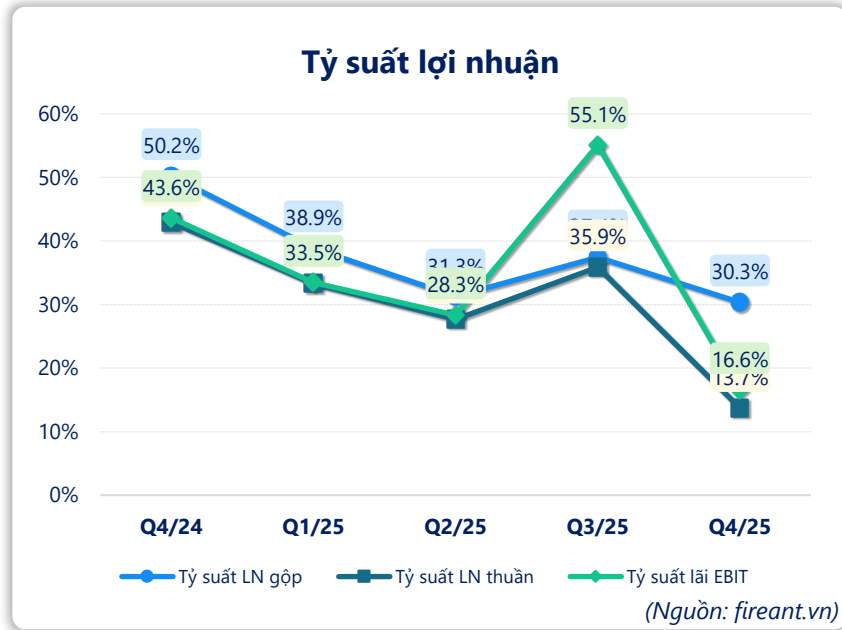
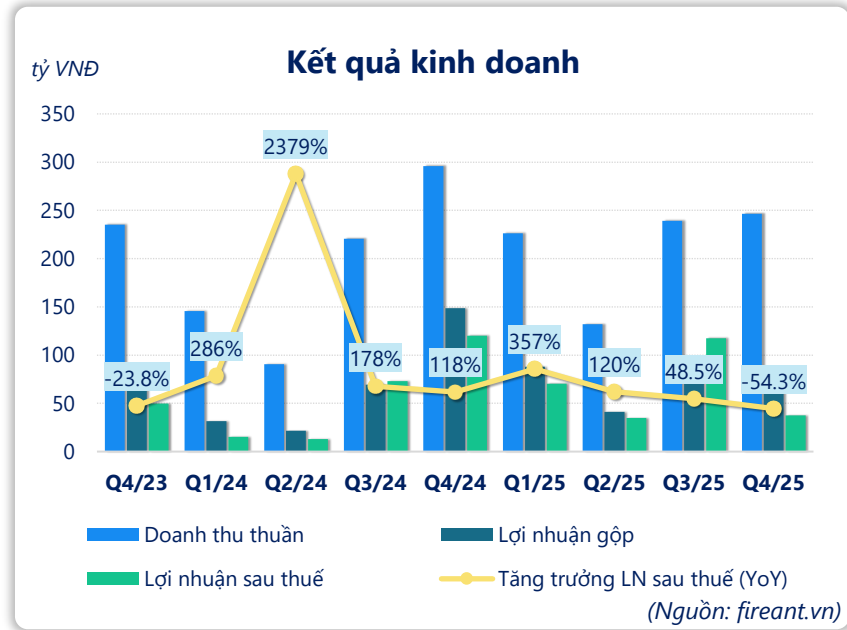
	YTD	1T	3T	6T
TRC	53.7%	-4.5%	9.8%	18.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Cao su Tây Ninh (HSX: TRC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,346	2,194	6.9%
Tài sản ngắn hạn	628	588	6.8%
Tiền và tương đương tiền	349	260	34.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	78.0	0	
Phải thu ngắn hạn	12.3	196	-93.7%
Hàng tồn kho	142	92.2	54.4%
Tài sản ngắn hạn khác	45.9	39.1	17.5%
Tài sản dài hạn	1,718	1,607	6.9%
Phải thu dài hạn	0.59	0.58	3.1%
Tài sản cố định	1,411	961	46.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	153	493	-68.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	152	151	1.0%
Tài sản dài hạn khác	1.64	1.25	31.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	266	317	-16.1%
Nợ ngắn hạn	248	280	-11.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	9.80	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.19	2.19	-0.4%
Nợ dài hạn	18.5	37.5	-50.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	36.2	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,079	1,877	10.8%
Vốn chủ sở hữu	2,079	1,877	10.8%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	296	226	132	239	246
Giá vốn hàng bán	147	138	90.8	150	172
Lợi nhuận gộp	149	87.9	41.3	89.5	74.7
Doanh thu HĐTC	1.83	1.48	10.6	9.92	5.34
Chi phí TC	1.61	0.38	0.04	0.02	0.02
Chi phí lãi vay	1.54	0.33	0.00	0.00	0.00
LN trong công ty LKLD	-1.37	0.05	0.02	1.36	0.09
Chi phí bán hàng	3.66	1.66	1.18	2.22	4.13
Chi phí QLDN	16.8	12.1	14.2	12.8	42.2
LN thuần từ HĐKD	127	75.3	36.5	85.8	33.8
Lợi nhuận khác	0.58	0.05	0.87	46.0	6.94
LN trước thuế	128	75.3	37.4	132	40.8
Lợi nhuận sau thuế	120	70.4	34.9	117	37.5
LNST của CĐ cty mẹ	120	70.4	34.9	117	37.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	139	62.2	4.80	123	30.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.36	-0.02	-2.61	116	-77.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-91.8	-45.8	-0.25	-45.9	-77.8
Tiền đầu kỳ	203	260	277	290	474
Lưu chuyển tiền thuần	55.0	16.4	1.94	193	-125
Ảnh hưởng tỷ giá	1.65	0.32	11.1	-8.32	-0.70
Tiền cuối kỳ	260	277	290	474	349

(Nguồn: fireant.vn)